

Bản án số: 207/2017/HSST
Ngày 28/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kim Dung**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Thị Thanh Thủy** và ông **Nguyễn Văn Tôn**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Hương Huệ** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả:

Bà **Phạm Bích Hồng**- Chức danh: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 202/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T** - Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 10/9/1972 tại Gia Lộc, Hải Dương;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội A, thôn B, xã C, huyện X, tỉnh Hải Dương;

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: Lớp 7/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ tên bố: Phạm Văn Ng - Đã chết;

Họ tên mẹ: Vũ Thị Y - Sinh năm: 1949;

Trú tại: Đội A, thôn B, xã C, huyện X, tỉnh Hải Dương;

Gia đình bị cáo có sáu chị em, bị cáo là con thứ tư;

Vợ: Đoàn Thị L - Sinh năm: 1976 (đã ly hôn);

Bị cáo có hai con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú ngày 08/11/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cẩm Phả- có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại** : Bà Lê Thị D, sinh năm 1950

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ N , khu Y, phường K, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh- có mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng :** Anh Nguyễn Văn L , sinh năm 1971

ĐKHKT: Tổ M, khu Y, phường K, thành phố D, tỉnh Quảng Ninh - có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố về hành vi phạm tội như sau: Phạm Văn T là thợ xây làm việc cho anh Nguyễn Văn L (trú tại Tổ M, khu Y, phường K, thành phố D) từ tháng 9/2017. Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2017, anh L dẫn T đến nhà mẹ vợ anh L là bà Lê Thị D tại tổ N, khu Y, phường K, thành phố D để trát tường phòng ngủ. T trát tường một mình đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì dọn dẹp để đi về. Khi dọn đến phía sau chiếc tủ gỗ trong phòng thì T phát hiện hai tấm ván phía sau tủ bị bung tạo ra khe hở khoảng 10cm. T dùng tay kéo rộng thêm phần bị bung ra để nhìn vào bên trong thì thấy có một tập tiền loại 500.000 đồng, nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. T lấy tập tiền để vào trong xô đựng vữa xi măng và lấy xi măng khô che phủ lên, rồi T xách xô ra bãi đất trống gần nhà bà D giấu tập tiền xuống dưới đồng gạch vữa. Sau đó, T quay lại nhà bà D dọn dẹp nốt rồi đi về phòng trọ sinh hoạt như bình thường. Đến khoảng 06 giờ ngày 03/11/2017, T gọi điện cho anh L xin nghỉ việc để về quê cai nghiện. Sau đó, T đi bộ ra bãi đất trống gần nhà bà D lấy tập tiền đã giấu từ trước đó, rồi đón xe khách về quê ở tỉnh Hải Dương. Trên đường đi, T bỏ tiền ra đếm được 50.000.000 đồng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T về đến thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. T đến cửa hàng Honda Tiên Tiến trên đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision mới, cùng phí nhờ cửa hàng đăng ký xe và bảo hiểm, hết tất cả 37.000.000 đồng, số tiền còn lại T chi tiêu hết. Chiều ngày 03/11/2017, bà D phát hiện bị mất tiền, nên đã nói cho anh L biết. Anh L nghi T trộm cắp tiền, nên đã gặp T yêu cầu trả lại tiền cho bà D, nhưng T không nhận đã trộm cắp tiền. Do đó, ngày 07/11/2017, bà D đã đến cơ quan công an trình báo. Ngày 08/11/2017, T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cẩm Phả đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 09/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cẩm Phả đã thu giữ tại nhà Phạm Văn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 34B3-661.96, cùng đăng ký xe mang tên Phạm Văn T và giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 128/KLHD- HĐĐGTS ngày 15/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố D, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu VISION màu xanh, số máy JF66E0339641, số khung 5817GY339606, biển số đăng ký 34B-661.96 xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 06/11/2017 giá định giá là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra, Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 209/KSĐT-HS ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị: Áp dụng Điểm e khoản 2 điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 08/11/2017; không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn T khai báo có nội dung: Bị cáo nghiện ma túy loại Herôine từ năm 2015 nguồn tiền mua ma túy để sử dụng là do làm nghề thợ xây mà có nên tháng 7/2017 bị cáo đi làm thợ xây thuê cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971, trú tại tổ M, khu Y, phường K, thành phố D. Khoảng 13 giờ ngày 02/11/2017 theo sự phân công của anh L bị cáo đến nhà bà Lê Thị D (là mẹ vợ anh L) để chát xi măng tường cửa thông buồng tầng 1 từ phòng ngủ của bà D xuống phòng bếp. Khi đến làm việc bị cáo thấy trong phòng ngủ của bà D có một chiếc giường và 01 tủ gỗ đựng quần áo. Để thuận tiện cho việc chát xi măng trên tường, bà D đã cho người xê dịch tủ quần áo ra ngoài từ trước. Bị cáo làm đến khoảng 17 giờ cùng ngày trước khi nghỉ việc bị cáo tiến hành dọn dẹp, thu dọn đồ đạc thì nhìn thấy hai bụng phía sau tủ đựng quần áo bị bật ở giữa tạo ra một khe hở khoảng 10cm. Lúc đó bị cáo đã dùng tay trái kéo bụng tủ ra, do hai bụng phía sau đã bị hỏng nên khi bị kéo đã tạo ra một khoảng trống giữa hai bụng tủ rộng khoảng 30cm. Bị cáo nhìn vào bên trong tủ thấy ngay sát bụng tủ ở ngăn thứ hai từ trên xuống đằng sau một chiếc chăn gấp trong tủ có 01(một) buộc tiền nên đã dùng tay phải để móc cầm buộc tiền từ trong tủ ra ngoài. Khi cầm tiền ra bị cáo đã làm rơi buộc tiền xuống nền nhà ngay sau bụng tủ, bị cáo đã nhặt buộc tiền lên và mang ra ngoài sân trước cửa bếp cạnh bể nước để xem buộc tiền và thấy toàn bộ là tiền polime mệnh giá 500.000 đồng được buộc quần bằng giấy trắng ở giữa và dùng dây nịt buộc lại. Do vội nên bị cáo không kịp đếm và không biết buộc tiền trị giá bao nhiêu. Sau đó bị cáo cầm buộc tiền vào phòng ngủ của bà D, để buộc tiền vào trong xô đựng vữa, lấy xi măng khô che phủ lên buộc tiền rồi xách chiếc xô đựng tiền cùng một xô có đựng xi măng khô và rác đi ra ngoài bãi đất trống gần nhà bà D, bị cáo lấy buộc tiền từ trong xô ra cất giấu dưới đồng gạch đá đất thải.

Sau khi cắt buộc tiền xong, bị cáo xách hai xô không vào nhà bà D dọn dẹp xong rồi về phòng trọ nghỉ ngơi. Đến khoảng 06 giờ ngày 03/11/2017, bị cáo gọi điện thoại cho anh L xin nghỉ việc để về quê với lý do về quê cai nghiện nhưng mục đích xin nghỉ để mang số tiền trộm cắp của bà D về quê ăn tiêu. Bị cáo đi bộ ra bãi đất trống nơi cất giấu tiền và lấy số tiền đã trộm cắp tách làm hai phần (một phần cho vào túi áo ngực, phần còn lại cất vào ba lô) rồi đi ra đường đón xe ô tô khách về quê ở Hải Dương. Trong khi ngồi trên xe ô tô, bị cáo bỏ toàn bộ số tiền ra đếm thấy có 100 tờ tiền polime loại 500.000 đồng và tổng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khi về đến thành phố Hải Dương bị cáo đã dùng số tiền trộm cắp của bà D mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại VISION màu xanh tại cửa hàng Tiên Tiên và yêu cầu cửa hàng làm thủ tục giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cũng như giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô mang tên bị cáo; giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô xe máy (tai nạn con người) và lắp thêm một số phụ tùng hết tổng số tiền là 37.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo đã ăn tiêu hết. Bị cáo trình bày gia đình khó khăn nên không có tiền để trả cho bà D, bị cáo chấp nhận giao chiếc xe mô tô trên cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe cho bà D được sở hữu để trừ đi số tiền mà bị cáo đã trộm cắp. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm số tiền 13.000.000 đồng cho bà D.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, về thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc phạm tội; Phù hợp với lời khai của người bị hại bà Lê Thị D. Theo bà D khai sau khi phát hiện bị mất tài sản bà đã gọi điện cho anh L thông báo và nghi ngờ bị cáo T đã trộm cắp số tiền trên cũng như nguồn gốc và đặc điểm của buộc tiền mà bị cáo T đã trộm cắp. Tại cơ quan điều tra, bà D yêu cầu được nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại VISION màu xanh biển kiểm soát 34B3-66196 do bị cáo đã dùng tiền trộm cắp của bà để mua, lắp thêm một số phụ tùng khác cùng các giấy tờ liên quan đến xe mô tô để trừ vào số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã trộm cắp của bà. Trong thời gian chờ xét xử, bị cáo đã nhờ gia đình thỏa thuận với bà D về việc giao chiếc xe mô tô Honda loại VISION màu xanh biển kiểm soát 34B3-66196 cùng giấy tờ liên quan đến xe mô tô cho bà D để bồi thường thiệt hại và sẽ có trách nhiệm ủy quyền cho gia đình thực hiện việc chuyển quyền sở hữu cho bà D, gia đình bị cáo cũng đã bồi thường cho bà thêm số tiền 13.000.000 đồng nên bà D không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ngoài ra bà D có đơn xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản số 128/KL-HĐĐGTS ngày 15 tháng 11 năm của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố D; phù hợp với bản ảnh xác định địa điểm, Biên bản thực nghiệm điều tra và ảnh thực nghiệm điều tra. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Đăng B (là chồng bà D) chứng kiến việc bị cáo T đã đến nhà ông trát tường trong phòng ngủ của bà D vào chiều ngày 02/11/2017; Phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn L về việc anh L đã bố trí bị cáo T vào hồi 13 giờ ngày 02/11/2017 đến nhà bà D làm việc. Ngoài ra còn phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp bán xe mô tô nhãn hiệu

HonDa loại VISION màu xanh cho bị cáo T vào ngày 03/11/2017 tại cửa hàng Tiên Tiến, phù hợp với lời khai của bà Vũ Thị Y (là mẹ của bị cáo) về việc ngày 03/11/2017 bị cáo đã đi xe mô tô nhãn hiệu HonDa loại VISION về nhà và nói với bà là xe do bị cáo đi làm có tiền để mua.

Đánh giá các chứng cứ nêu trên, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 02/11/2017, tại tổ N, khu Y, phường K, thành phố D, Phạm Văn T có hành vi trộm cắp 50.000.000 đồng của bà Lê Thị D .

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, không nhưng đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo sợ. Do đó, việc đưa bị cáo xử lý trước pháp luật là cần thiết và có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa loại VISION màu xanh biển kiểm soát 34B3-661-96 cùng các giấy tờ liên quan đến xe mô tô, **đây là tài sản do bị cáo mua bằng tiền trộm cắp của bà D.** Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và người bị hại thỏa thuận như sau: Vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn không có tiền để bồi thường cho người bị hại nên bị cáo giao lại chiếc xe mô tô trên và toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe mang tên bị cáo cho người bị hại để trừ vào khoản tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã trộm cắp. Bị cáo có trách nhiệm ủy quyền cho người thân cùng người bị hại đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô, gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu bồi thường khác. Bị cáo và bị hại đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên vào trong bản án. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của bị cáo và người bị hại.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa loại VISION màu xanh biển kiểm soát 34B3-661-96; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 205575 ngày 06/11/2017 mang tên Phạm Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô-xe máy (tai nạn con người) số 2117050643586 ; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô-xe máy số 2117050643586 giao lại cho

người bị hại, bị hại đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phạm Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt 08/11/2017.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Giao cho bà Lê Thị D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại VISION màu xanh biển kiểm soát 34B3-661-96 ; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 205575 ngày 06/11/2017 mang tên Phạm Văn T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô-xe máy (tai nạn con người) số 2117050643586; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô-xe máy số 2117050643586 Bà D phải có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chủ sở hữu chiếc xe trên.

Các khoản trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 46/BB-THA ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, có mặt người bị hại báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Q/N;
- CA TP Cẩm Phả;
- CCTHADS TP Cẩm Phả;
- Ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Kim Dung

